HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19/2021/NQ-HĐND	*Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 7 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VIII, KỲ HỌP LẦN THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Xét Tờ trình số 128/TTr-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Quy chế hoạt động và Nội quy kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

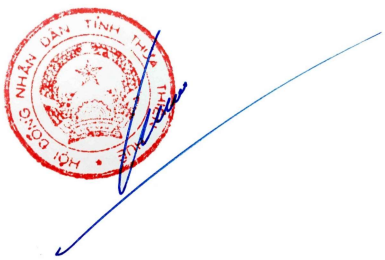
1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 26 tháng 7 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- UBTVQH; Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã và Tp Huế;
- Cổng TTĐT tỉnh và Công báo tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu VT, CT HĐND6.

CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về trách nhiệm, quyền hạn, chế độ làm việc, các mối quan hệ công tác và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Các nội dung không quy định trong Quy chế này thực hiện theo các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu và các đại biểu HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN, TỔ ĐẠI BIỂU VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐND tỉnh

1. HĐND tỉnh là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do cử tri tỉnh Thừa Thiên Huế bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân và cơ quan nhà nước cấp trên.

2. HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 5 và Mục 1, Chương III của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 104, Điều 105 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Mục 2, Chương III Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Thường trực HĐND tỉnh có nhiệm vụ xây dựng dự kiến chương trình kỳ họp HĐND tỉnh trên cơ sở nghị quyết về kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND), Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND tỉnh để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại phiên họp trù bị trước mỗi kỳ họp của HĐND tỉnh.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn các Ban của HĐND tỉnh

1. Ban của HĐND tỉnh phụ trách lĩnh vực và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các Điều 108, 109, 110, 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Mục 3, Chương III Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên ban của HĐND tỉnh.

a) Trưởng ban các Ban của HĐND tỉnh trực tiếp chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ban, thay mặt Ban giữ mối liên hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Phó Trưởng ban các Ban của HĐND tỉnh giúp Trưởng Ban thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Trưởng Ban.

c) Ủy viên các Ban của HĐND tỉnh có trách nhiệm tham gia các hoạt động của Ban và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu HĐND tỉnh

1. Tổ đại biểu HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 112 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

a) Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh điều hành các hoạt động của Tổ đại biểu, thay mặt Tổ đại biểu giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Tổ phó Tổ đại biểu giúp Tổ trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Tổ trưởng.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền của đại biểu HĐND tỉnh

1. Đại biểu HĐND tỉnh thực hiện trách nhiệm theo quy định tại các Điều 93, 94, 95 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 27, Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đại biểu HĐND tỉnh thực hiện các quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều 83 và các Điều 96, 97, 98, 99, 100, 101 của Luật Tổ chức chính quyền địa

phương; khoản 28 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

Chương III
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN, TỔ ĐẠI BIỂU VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Mục 1
Hoạt động của HĐND tỉnh

Điều 8. Kỳ họp của HĐND tỉnh

1. HĐND họp mỗi năm ít nhất hai kỳ. HĐND quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của HĐND đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực HĐND.

2. Quy định về tổ chức kỳ họp HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Nội quy kỳ họp HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 được ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 9. Hoạt động giám sát của HĐND tỉnh

1. HĐND tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. HĐND tỉnh thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 87 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Điều 57 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. HĐND tỉnh quyết định chương trình giám sát của HĐND theo trình tự sau đây:

a) Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND, Ban thường trực UBMTTQ tỉnh và cử tri ở trong tỉnh gửi kiến nghị, đề nghị giám sát của HĐND đến Thường trực HĐND, trong đó nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

b) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh tổng hợp kiến nghị, đề nghị giám sát và báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

c) Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh thảo luận và lập dự kiến chương trình giám sát của HĐND tỉnh để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước. Trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh chương trình giám sát.

4. HĐND tỉnh xem xét các báo cáo

a) Tại kỳ họp giữa năm và cuối năm, HĐND tỉnh xem xét các báo cáo quy định tại Điểm a và Điểm c Khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

b) Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, HĐND tỉnh xem xét các báo cáo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

5. HĐND tỉnh tiến hành chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh, người đã trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết của HĐND về chất vấn và việc thực hiện các vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực HĐND tỉnh để chuyển đến các đại biểu HĐND tỉnh.

6. HĐND tỉnh xem xét văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, HĐND các huyện, thị xã và thành phố Huế có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh. Trình tự xem xét văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

7. Giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh

a) Căn cứ chương trình giám sát, HĐND tỉnh ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.

b) Trình tự, thủ tục giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

c) HĐND tỉnh xem xét báo cáo của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất và ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nghị quyết giám sát được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

8. HĐND tỉnh lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu theo quy định tại Điều 88, Điều 89 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 63, Điều 64 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các văn bản pháp luật có liên quan.

Mục 2
Hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh

Điều 10. Phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh

Thường trực HĐND tỉnh tổ chức phiên họp theo quy định tại Điều 106 Luật Tổ chức chính quyền địa phương để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 11. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Thường trực HĐND tỉnh thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 66 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. Thường trực HĐND tỉnh quyết định chương trình giám sát hàng năm của Thường trực HĐND theo quy định tại Điều 67 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

4. Thường trực HĐND tỉnh xem xét quyết định của UBND tỉnh và nghị quyết của HĐND các huyện, thị xã và thành phố Huế có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 68 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

5. Thường trực HĐND tỉnh tiến hành chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại phiên họp của Thường trực HĐND trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

6. Giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh

a) Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND tỉnh quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề.

b) Việc thành lập Đoàn giám sát, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát, việc báo cáo và xem xét báo cáo của Đoàn giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

c) Sau khi xem xét báo cáo của Đoàn giám sát, Thường trực HĐND tỉnh kết luận về nội dung giám sát. Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

d) Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

đ) Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và báo cáo HĐND tỉnh về hoạt động giám sát của mình.

7. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh

a) Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND yêu cầu thành viên của UBND, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh giải trình và yêu cầu cá nhân có liên quan tham gia giải trình về những vấn đề mà Thường trực HĐND tỉnh quan tâm. Việc tổ chức giải trình, nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình và người được yêu cầu giải trình do Thường trực HĐND quyết định.

b) Người được yêu cầu có trách nhiệm báo cáo, giải trình theo yêu cầu của Thường trực HĐND.

c) Nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND được thông báo cho cá nhân được yêu cầu giải trình chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành phiên giải trình. Phiên giải trình được tổ chức công khai, trừ trường hợp do Thường trực HĐND quyết định.

d) Trình tự phiên giải trình thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

đ) Kết thúc phiên giải trình, Thường trực HĐND xem xét, thông qua kết luận về vấn đề được giải trình. Cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực HĐND tỉnh.

8. Thường trực HĐND tỉnh giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Điều 73 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

9. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri

a) Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và chuẩn bị báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND tỉnh.

b) UBND tỉnh báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri. Báo cáo của UBND về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri phải được Ban của HĐND tỉnh thẩm tra theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

c) Trình tự xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 74 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

d) Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND tỉnh.

Điều 12. Tiếp công dân của Thường trực HĐND tỉnh

Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu HĐND tỉnh tiếp công dân; xây dựng và công bố lịch tiếp công dân hàng tháng của Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Ủy viên Thường trực HĐND, đại biểu HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 107 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Tiếp công dân và các văn bản pháp luật có liên quan.

Mục 3
Hoạt động của các Ban HĐND tỉnh

Điều 13. Hoạt động giám sát của Ban của HĐND tỉnh

1. Ban của HĐND tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Ban của HĐND tỉnh thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 76 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. Ban của HĐND tỉnh lập chương trình giám sát của Ban theo quy định tại Điều 77 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

4. Ban của HĐND tỉnh thực hiện giám sát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 68 và Điều 79 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

5. Ban của HĐND tỉnh thực hiện giám sát chuyên đề theo quy định tại Điều 80 và Điều 81 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

6. Ban của HĐND tỉnh giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định tại Điều 82 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Điều 14. Hoạt động thẩm tra của Ban của HĐND tỉnh

Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án theo quy định tại Điều 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 78 Luật

Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; Điều 124 và Khoản 1 Điều 126 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Mục 4
Hoạt động của Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh

Điều 15. Hoạt động của Tổ đại biểu HĐND tỉnh

1. Tổ đại biểu HĐND tỉnh tổ chức cho các đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri theo kế hoạch của Thường trực HĐND tỉnh, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi về Thường trực HĐND tỉnh; tổ chức cho đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến thảo luận tại kỳ họp HĐND tỉnh.

2. Tổ đại biểu HĐND tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Khoản 2 Điều 83 và Điều 86 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Điều 16. Hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh

1. Đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm tham dự kỳ họp HĐND tỉnh, thực hiện quyền giám sát và tham gia thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh. Đại biểu HĐND tỉnh hoạt động không chuyên trách phải đảm bảo dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Đại biểu HĐND tỉnh phải liên hệ chặt chẽ với cử tri và Nhân dân, có trách nhiệm lắng nghe và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân; thực hiện trách nhiệm tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, tiếp nhận và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo Điều 87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. Đại biểu HĐND tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại các Điều 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Chương IV
QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HĐND TỈNH VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 17. Trách nhiệm của UBND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đối với hoạt động của HĐND tỉnh

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. UBND tỉnh báo cáo HĐND, Thường trực HĐND tỉnh về các nội dung thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh; gửi văn bản quy phạm pháp luật và các quyết định do UBND tỉnh ban hành đến Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký; cung cấp thông tin cho Thường trực HĐND, Ban của HĐND theo quy định của pháp luật.

3. UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh trong việc chuẩn bị kỳ họp HĐND tỉnh; chỉ đạo các cơ quan thuộc UBND tỉnh chuẩn bị các nội dung được dự kiến trong chương trình kỳ họp HĐND tỉnh; thực hiện các thủ tục và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh.

4. Cơ quan trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án của HĐND tỉnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục và thời hạn xây dựng dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án để trình HĐND tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án phối hợp chặt chẽ với Ban của HĐND tỉnh phụ trách lĩnh vực tương ứng trong quá trình xây dựng dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án, mời Ban của HĐND tỉnh tham gia các cuộc họp và một số hoạt động liên quan đến việc xây dựng dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, nội dung, yêu cầu giám sát; báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời; đáp ứng các yêu cầu phục vụ hoạt động giám sát và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh; nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết giám sát của HĐND, thực hiện kết luận, kiến nghị của Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ tiếp theo của HĐND tỉnh.

Cá nhân, người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát có trách nhiệm trực tiếp báo cáo, trình bày những vấn đề mà chủ thể giám sát yêu cầu; trường hợp không thể trực tiếp báo cáo, trình bày được thì ủy quyền cho cấp phó của mình.

6. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giám sát của HĐND cho Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu cho Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh khi được yêu cầu, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước mà pháp luật quy định không được phép cung cấp.

HĐND các huyện, thị xã và thành phố Huế có trách nhiệm gửi nghị quyết mà mình đã ban hành đến Thường trực HĐND tỉnh và Ban của HĐND tỉnh theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký.

7. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được ý kiến, kiến nghị của cử tri có trách nhiệm trả lời đầy đủ tại kỳ họp thường lệ gần nhất của HĐND tỉnh kể từ khi nhận được ý kiến, kiến nghị của cử tri và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ tiếp theo của HĐND tỉnh.

Điều 18. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với Tỉnh ủy

1. Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của đối với hoạt động của HĐND tỉnh. HĐND tỉnh báo cáo Tỉnh ủy về kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh; báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu và báo cáo về những hoạt động quan trọng của HĐND tỉnh.

2. Thông qua hoạt động của mình, HĐND tỉnh kiến nghị với Tỉnh ủy về những nội dung quan trọng cần lãnh đạo, chỉ đạo để bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội và các nội dung liên quan đến công tác cán bộ.

Điều 19. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với Đoàn ĐBQH tỉnh

Các đại biểu Quốc hội ứng cử trên địa bàn tỉnh được mời tham dự các kỳ họp của HĐND tỉnh và có thể được mời tham gia hoạt động giám sát của HĐND tỉnh.

HĐND tỉnh cử đại biểu HĐND tỉnh tham gia hoạt động giám sát của Đoàn ĐBQH tỉnh khi được mời.

HĐND tỉnh phối hợp với Đoàn ĐBQH tỉnh tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong tỉnh chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương giải quyết; thông tin tới cử tri về nội dung trả lời, kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

Điều 20. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với UBND tỉnh, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan nhà nước trên địa bàn

1. UBND tỉnh mời Thường trực HĐND tỉnh tham dự phiên họp của UBND tỉnh và cử người tham gia vào các hoạt động của HĐND tỉnh khi có yêu cầu.

2. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, cơ quan thuộc UBND tỉnh và các cơ quan nhà nước cấp tỉnh cử người tham dự kỳ họp HĐND tỉnh, tham gia hoạt động của Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh khi được mời; mời Thường trực HĐND, Ban của HĐND phụ trách lĩnh vực dự hội nghị tổng kết và một số hoạt động trọng tâm của ngành để trao đổi thông tin và tăng cường mối quan hệ phối hợp và hiệu quả công tác.

Điều 21. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh

1. Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh được mời tham dự các kỳ họp HĐND tỉnh. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia hoạt động giám sát của HĐND tỉnh.

2. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh mời Thường trực HĐND và Ban của HĐND tỉnh tham dự một số hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội để trao đổi thông tin và tăng cường mối quan hệ phối hợp và hiệu quả công tác.

3. HĐND tỉnh thực hiện chế độ gửi thông báo, nghị quyết của HĐND tỉnh tới Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh.

4. HĐND tỉnh tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh động viên Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của chính quyền địa phương,

5. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức cho các đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri, tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

6. HĐND tỉnh có trách nhiệm lắng nghe, giải quyết và trả lời theo thẩm quyền các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 22. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với HĐND cấp huyện

HĐND tỉnh giao Thường trực HĐND tỉnh tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác cho Thường trực HĐND, lãnh đạo các Ban của HĐND cấp huyện; trường hợp cần thiết, hướng dẫn hoạt động của HĐND cấp huyện để bảo đảm thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND tỉnh phối hợp với Thường trực HĐND, Ban của HĐND cấp huyện trong quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động giám sát trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố Huế.

Chương V
CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 23. Trụ sở làm việc và cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐND tỉnh

1. HĐND tỉnh có trụ sở làm việc riêng.

2. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh là cơ quan tham mưu tổng hợp và phục vụ các hoạt động của HĐND tỉnh.

3. HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và các Ban của HĐND tỉnh được sử dụng con dấu của HĐND tỉnh.

Điều 24. Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh do ngân sách địa phương đảm bảo. Hàng năm, Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định theo quy định hiện hành.

Điều 25. Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh

Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 quy định về chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu HĐND và nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh; UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

của Mặt trận, các cơ quan khác của Nhà nước trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Giao Thường trực HĐND tỉnh thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và tình hình thực tế, đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.